CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Ngày 31/03/2025	11,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.4%	**-4.1%**	**-**

DT thuần
Q1/25
4,625
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,634| -26.1%
YoY: ▲ 1,381| 42.6%

LN thuần
Q1/25
25.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼97.4| -79.2%
YoY: ▲ 22.8| 822%

LN sau thuế
Q1/25
20.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼74.8| -78.2%
YoY: ▲ 19.0| 1078%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
1.4%
YoY: +/-▼ 1.4%

ROE (TTM)
Q1/25
7.7%
YoY: +/-▲ 1.1%

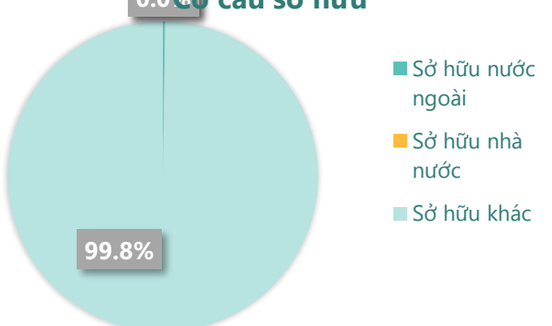
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,300 - 16,048
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,034
Số lượng CPLH (CP)	88,415,751
KLGD BQ 20 phiên (CP)	285,515
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.40
EPS	1,349
P/E	8.7

DT thuần
2024
16,257
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9,919| 157%

LN thuần
2024
146
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 116| 383%

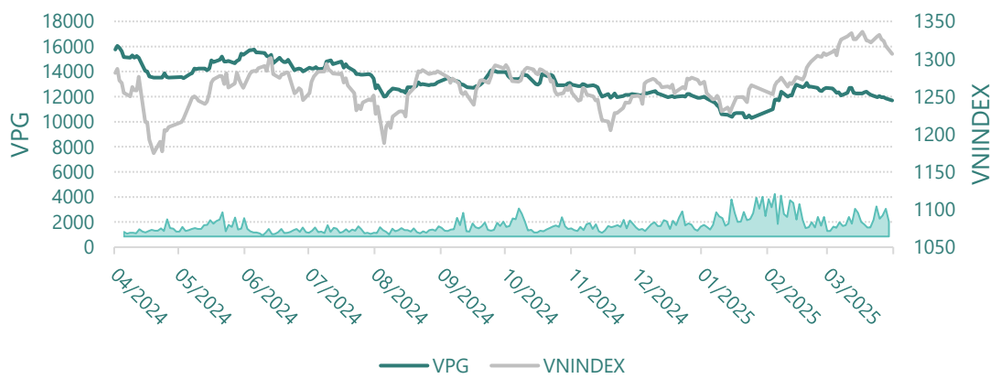
LN sau thuế
2024
109
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 89.6| 461%

Cơ cấu sở hữu

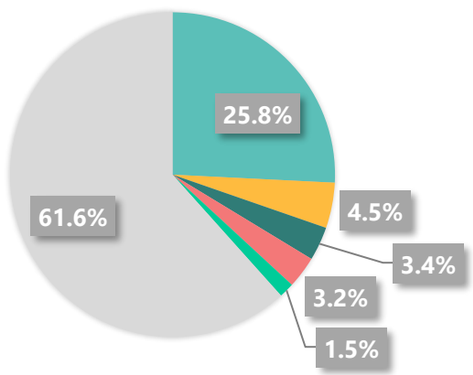


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

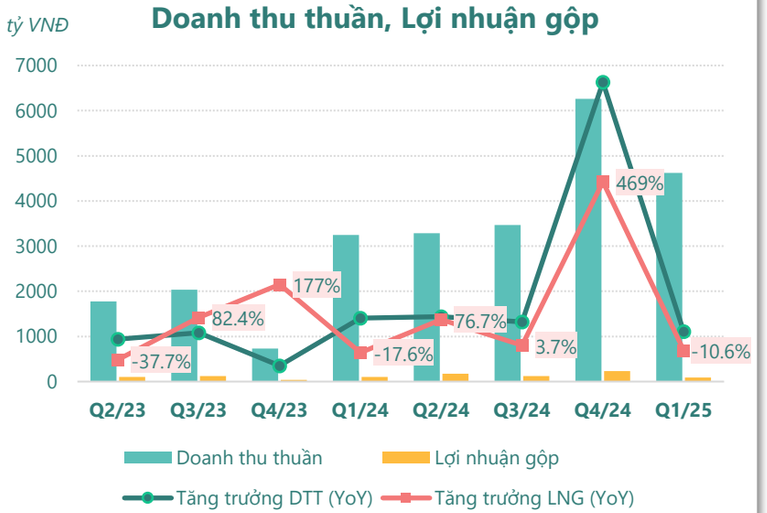


- Nguyễn Văn Bình (Chủ tịch HĐQT)
- Lê Thị Thanh Lệ (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Văn Đức (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Văn Dũng
- Trần Thị Anh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

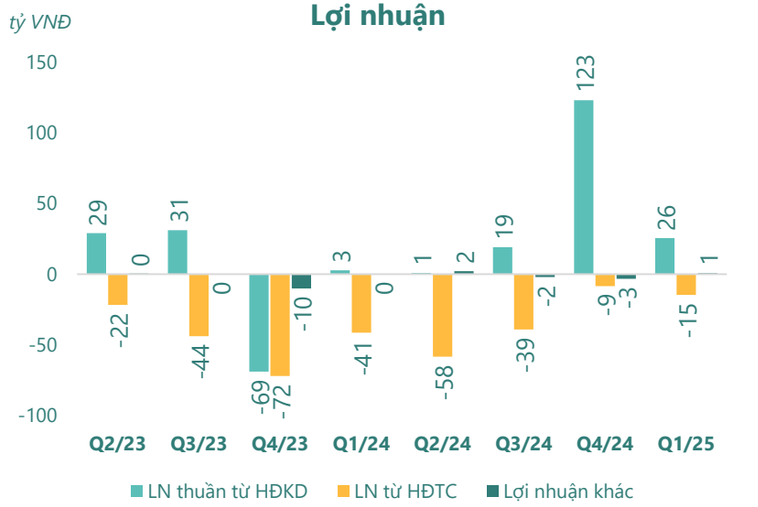
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



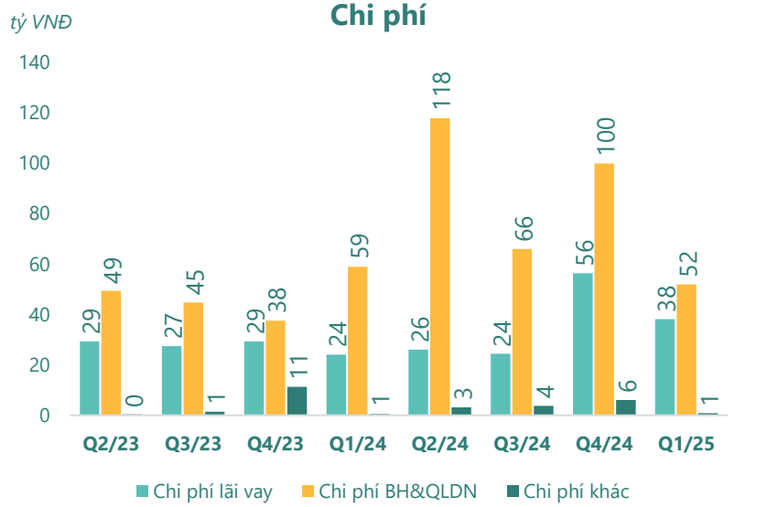
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



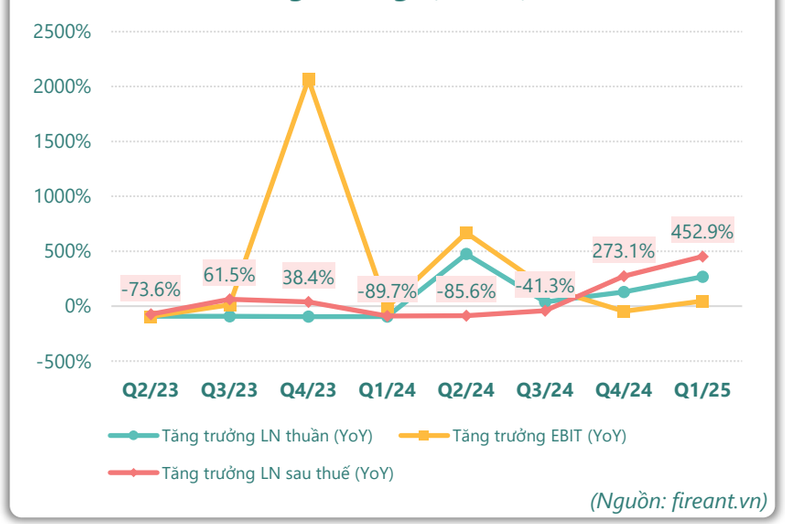
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



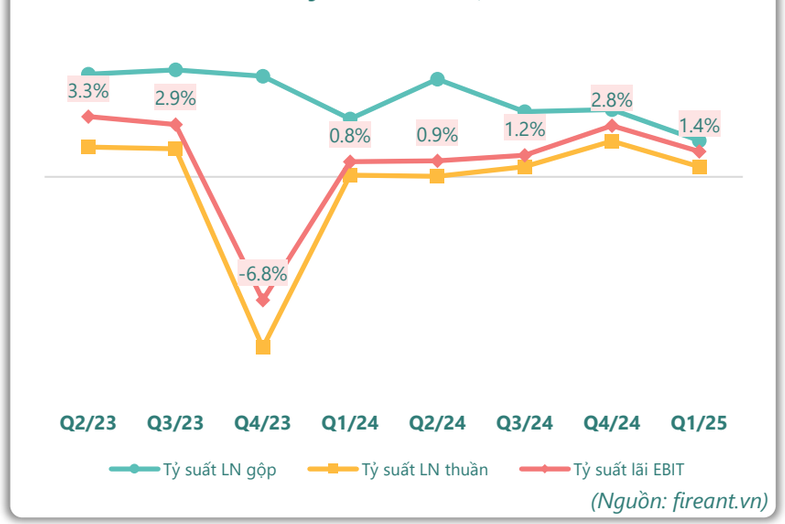
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



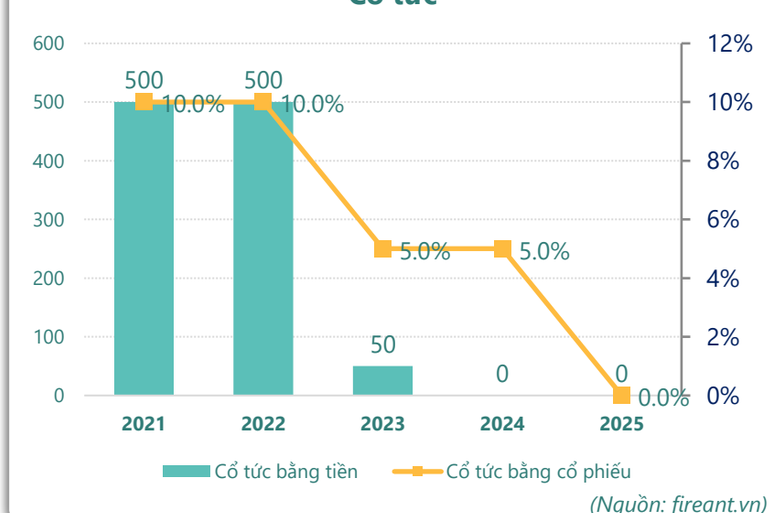
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

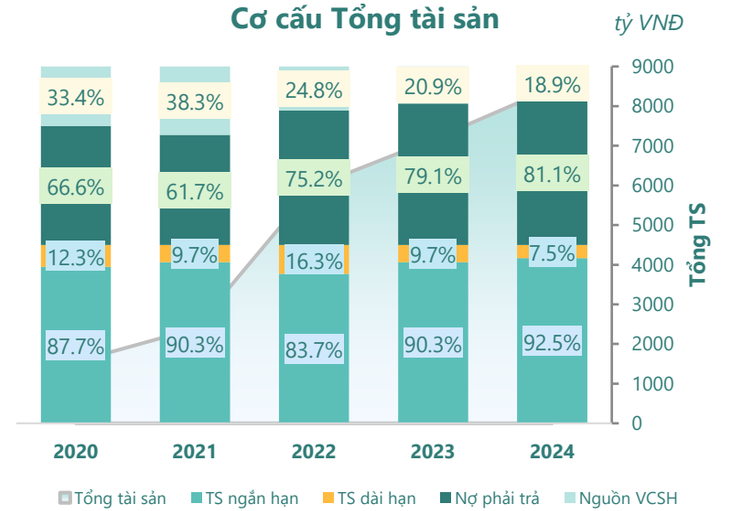
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

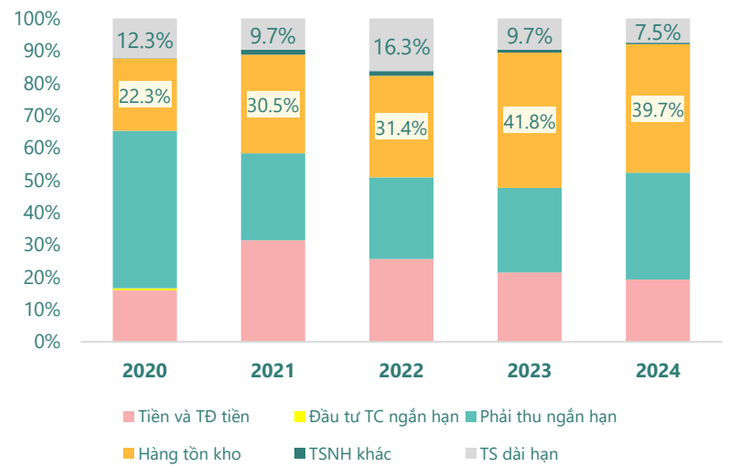
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



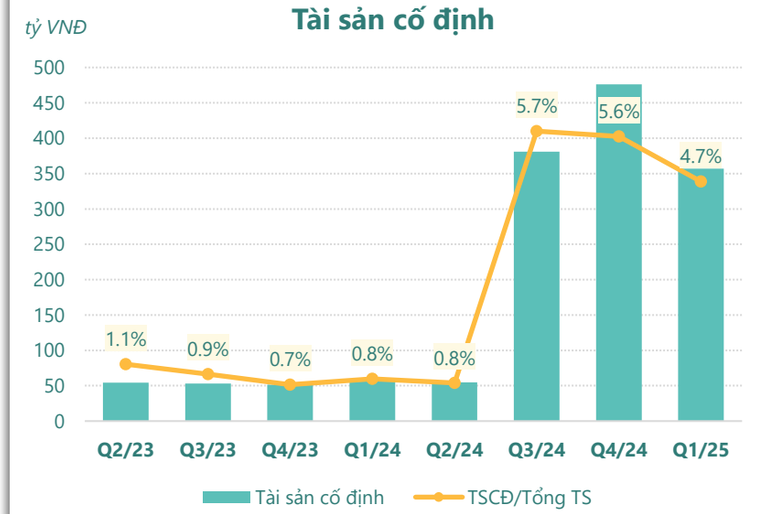
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



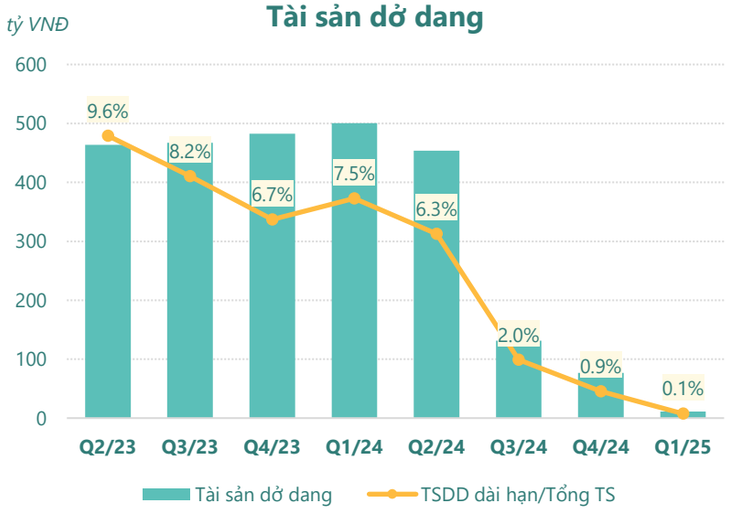
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



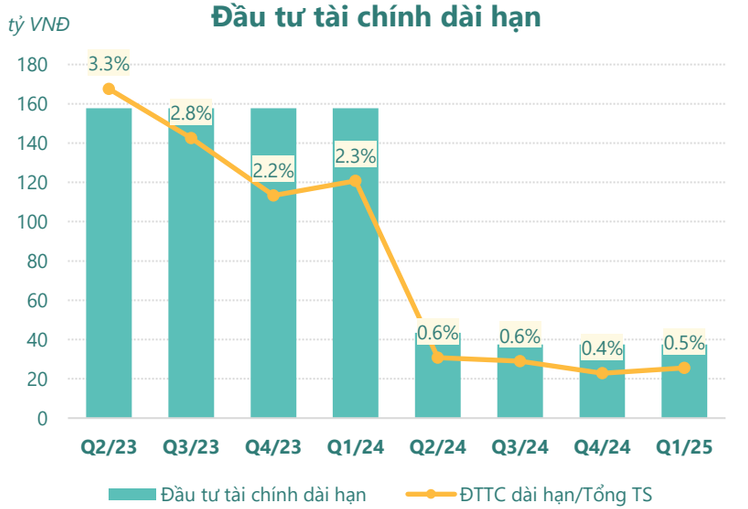
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



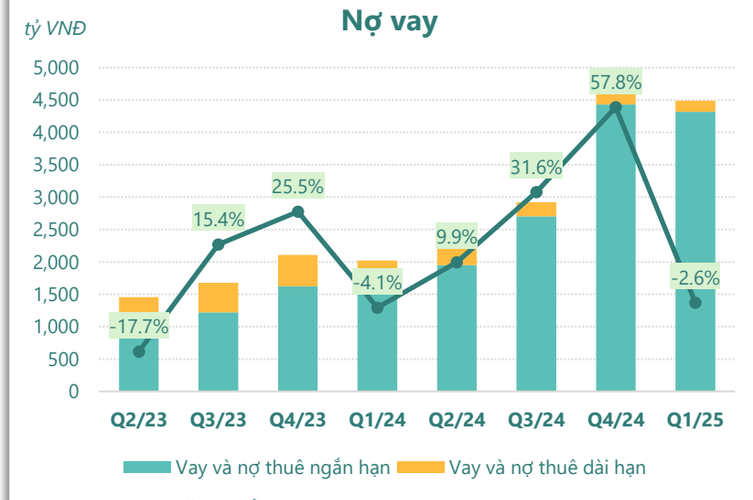
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

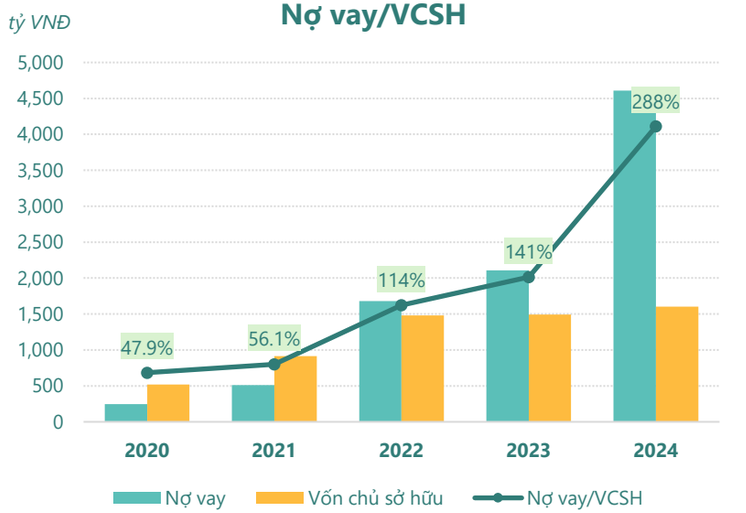
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

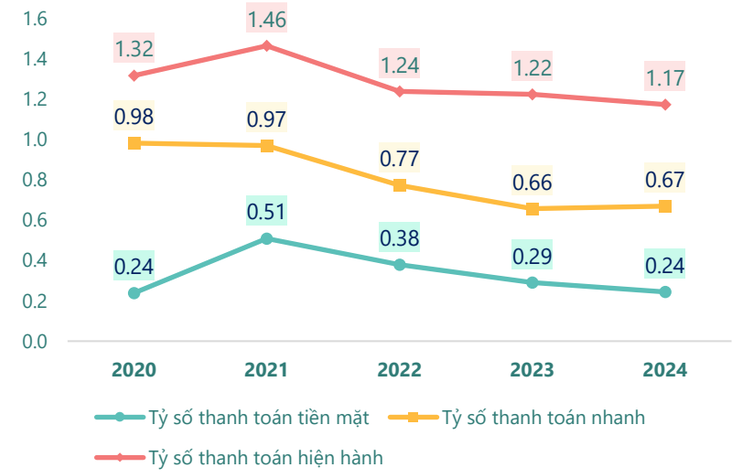
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



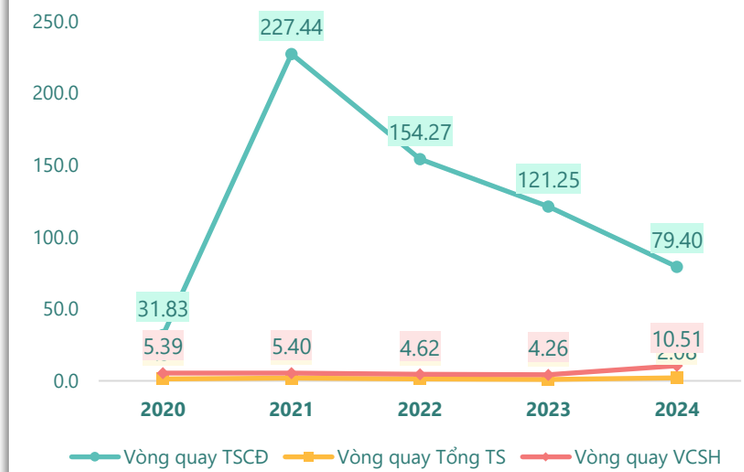
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



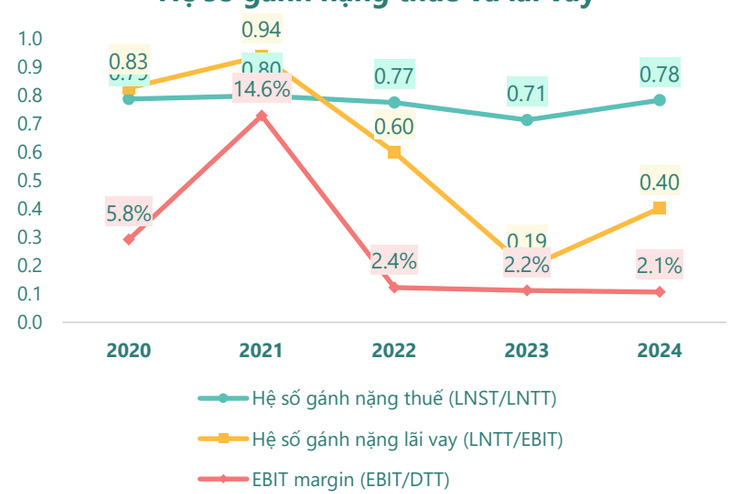
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



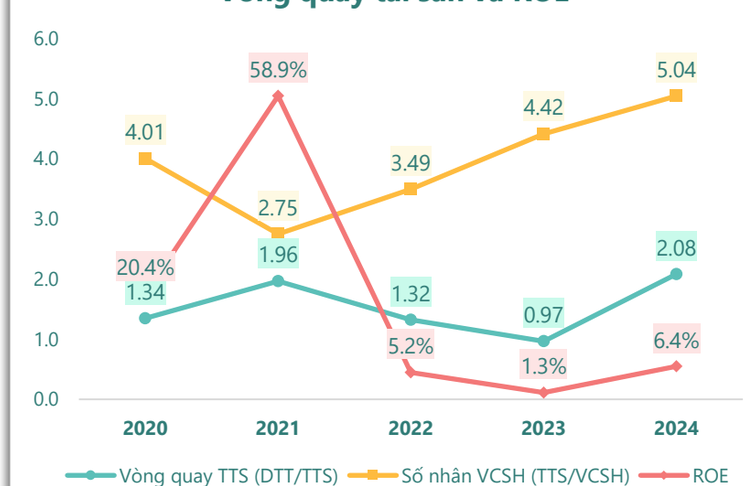
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



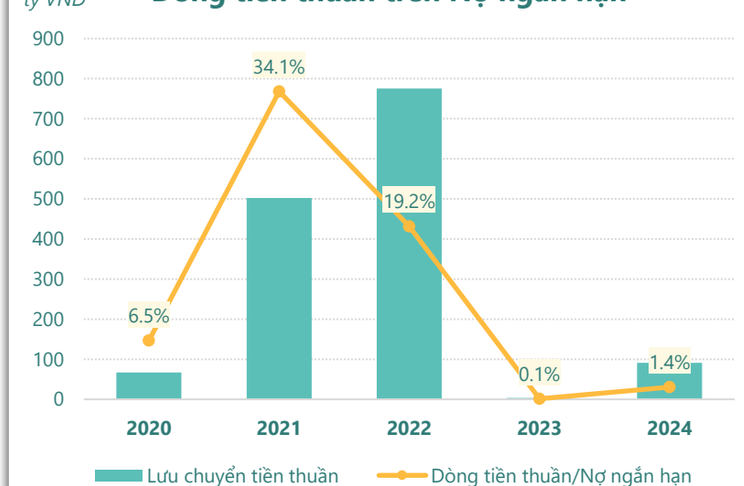
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4,625**	**3,244**	**42.6%**	**16,257**	**6,338**	**157%**
Giá vốn hàng bán	4,532	3,141	44.3%	15,620	5,951	162%
Lợi nhuận gộp	92.3	103	-10.3%	637	386	64.9%
Doanh thu HĐTC	25.6	15.0	70.4%	166	72.7	129%
Chi phí TC	40.3	56.5	-28.7%	313	251	24.8%
Chi phí lãi vay	38.2	24.1	58.3%	207	114	80.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	29.7	39.1	-24.0%	238	106	125%
Chi phí QLDN	**22.2**	**19.8**	**12.3%**	**106**	**71.6**	**47.8%**
LN thuần từ HĐKD	25.6	2.78	822%	146	30.2	383%
Lợi nhuận khác	**0.76**	**-0.11**	**790%**	**-6.70**	**-3.01**	**-122%**
LN trước thuế	26.4	2.67	889%	139	27.2	412%
Lợi nhuận sau thuế	**20.8**	**1.77**	**1078%**	**109**	**19.4**	**461%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.0**	**1.79**	**960%**	**98.8**	**19.5**	**408%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-229	-779	-317	621	406	-571
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.09	-19.4	1.60	1.78	3.33	-11.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	428	-87.1	194	-362	427	-118
Tiền đầu kỳ	1,339	1,532	648	526	788	1,628
Lưu chuyển tiền thuần	**193**	**-885**	**-121**	**262**	**836**	**-701**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.06	0.84	-0.84	0	4.68	0
Tiền cuối kỳ	1,532	648	526	788	1,628	927

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,524**	**8,457**	**-11.0%**
Tài sản ngắn hạn	6,873	7,823	-12.2%
Tiền và tương đương tiền	927	1,628	-43.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.26	-100%
Phải thu ngắn hạn	3,323	2,796	18.9%
Hàng tồn kho	2,586	3,357	-23.0%
Tài sản ngắn hạn khác	36.1	41.4	-12.7%
Tài sản dài hạn	**652**	**634**	**2.8%**
Phải thu dài hạn	0.62	0.62	0.0%
Tài sản cố định	357	358	-0.3%
Bất động sản đầu tư	224	142	58.0%
Tài sản dở dang	11.2	75.9	-85.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	37.5	37.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**21.7**	**20.1**	**8.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,902	6,855	-13.9%
Nợ ngắn hạn	**5,721**	**6,669**	**-14.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,317	4,432	-2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,244	1,947	-36.1%
Nợ dài hạn	181	187	-3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	172	176	-2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,623**	**1,602**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,623**	**1,602**	**1.3%**
Vốn điều lệ	884	884	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)